

Số: 413 /QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện học Anh văn chuyên ngành đối với sinh viên hệ đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) và chương trình đào tạo đặc biệt đợt tháng 11 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-ĐHNH-HĐT Ngày 05/04/2024 về việc sắp xếp tổ chức lại, đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Xét chứng chỉ Anh văn sinh viên nộp và đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt chuẩn tiếng Anh giai đoạn đào tạo đại cương (tương đương trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo tiêu chuẩn Việt Nam) đối với 299 sinh viên đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) và chương trình đào tạo đặc biệt đợt tháng 11 năm 2024.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Đức Trung



**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHƯƠNG TRÌNH
TIẾNG ANH BÁN PHẦN (CLC) VÀ CTĐT ĐẶC BIỆT ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ CÁC HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH ĐỢT THÁNG 11 NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định: 4113 /QĐ-ĐHNH, ngày 04 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)



STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH		
					VSTEP	IELTS	TOEFL IBT
1	050112240360	Lâm Thúy An	16/08/2006	HQ12-BAF07	3/6		
2	050611230007	Lý Vũ Trường An	31/07/2005	HQ11-BAF14	3/6		
3	050611230022	Cao Nguyễn Hồng Ân	27/11/2005	HQ11-BAF17	3/6		
4	050611230023	Hoàng Thiên Ân	04/02/2005	HQ11-BAF15	3/6		
5	050611230025	Phạm Ngọc Thiên Ân	18/06/2005	HQ11-BAF09	3/6		
6	050611230037	Đỗ Huyền Anh	26/06/2005	HQ11-BAF02	4/6		
7	050611230065	Nguyễn Phương Anh	24/07/2005	HQ11-MAG01	4/6		
8	050611230060	Nguyễn Minh Anh	18/11/2005	HQ11-BAF14	3/6		
9	050611230079	Trần Ngọc Anh	31/03/2005	HQ11-MAG06	3/6		
10	050611230070	Nguyễn Tuấn Anh	26/12/2005	HQ11-BAF20	3/6		
11	050611230088	Trương Thị Minh Anh	05/10/2005	HQ11-BAF16	3/6		
12	050611230033	Bùi Thị Vân Anh	07/11/2005	HQ11-BAF19	3/6		
13	050112240386	Nguyễn Hoàng Vân Anh	27/08/2006	HQ12-BAF07	3/6		
14	050112240368	Dương Ngọc Quế Anh	01/06/2006	HQ12-BAF08	3/6		
15	050512240005	Nguyễn Minh Đức Anh	21/12/2006	HQ12-ACC05	3/6		
16	050611230066	Nguyễn Phương Anh	21/06/2005	HQ11-BAF03	3/6		
17	050611230061	Nguyễn Ngọc Anh	27/09/2005	HQ11-MAG04	3/6		
18	050611230107	Nguyễn Lê Gia Băng	19/08/2005	HQ11-BAF08	3/6		
19	050611230108	Trần Hiếu Băng	25/07/2005	HQ11-BAF09	3/6		
20	050611230109	Lâm Nguyễn Khải Bằng	04/01/2005	HQ11-BAF19	3/6		
21	050610220829	Cao Võ Viết Bằng	05/01/2004	HQ10-GE17	3/6		
22	050611230111	Lưu Thiện Bảo	09/11/2005	HQ11-BAF20	3/6		
23	050611230134	Nguyễn Thái Bình	11/01/2005	HQ11-MAG05	3/6		
24	050112240437	Nguyễn Thị An Bình	01/08/2006	HQ12-BAF08	3/6		
25	050812240011	Hoàng Phúc An Bình	29/11/2006	HQ12-INE02	3/6		
26	050611230148	Lý Mỹ Châu	24/02/2005	HQ11-BAF04	3/6		
27	050611230145	Huỳnh Ngọc Trân Châu	15/11/2005	HQ11-BAF03	3/6		
28	050611230156	Võ Ngọc Thảo Châu	27/05/2005	HQ11-ACC05	3/6		
29	050611230167	Nguyễn Biên Cương	24/07/2005	HQ11-BAF10	3/6		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH		
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT
30	050112240450	Cao Thị Ngọc	Diễm	29/06/2006	HQ12-BAF23	3/6		
31	050611230193	Nguyễn Ngọc	Diễm	15/11/2005	HQ11-ACC03	3/6		
32	050611230199	Phạm Uy Thục	Đoan	01/05/2005	HQ11-BAF11	3/6		
33	050112240456	Lưu Phúc Hạnh	Dung	24/10/2006	HQ12-BAF06	3/6		
34	050212240043	Nguyễn Huy	Dũng	24/09/2006	HQ12-MIS01	3/6		
35	050611230238	Đặng Thùy	Duyên	09/09/2005	HQ11-BAF16	3/6		
36	050611230237	Đặng Mỹ	Duyên	15/08/2005	HQ11-BAF08	3/6		
37	050611230241	Mai Thị	Duyên	27/08/2005	HQ11-BAF21	3/6		
38	050611230240	Lâm Thảo	Duyên	27/07/2005	HQ11-BAF06	3/6		
39	050611230268	Trần Thị Huỳnh	Giao	17/07/2005	HQ11-BAF09	3/6		
40	050611230279	Phạm Việt	Hà	25/06/2005	HQ11-MAG07	3/6		
41	050112240498	Nguyễn Thanh	Hà	10/04/2006	HQ12-BAF02	3/6		
42	050611230278	Phạm Thị Thúy	Hà	11/07/2005	HQ11-BAF11	3/6		
43	050611230304	Phạm Ngọc Bảo	Hân	29/12/2005	HQ11-MAG01	3/6		
44	050611230292	Lê Ngọc	Hân	24/06/2005	HQ11-BAF08	3/6		
45	050611230311	Trần Ngọc	Hân	29/12/2005	HQ11-MAG06	3/6		
46	050611230313	Trần Ngọc Gia	Hân	15/06/2005	HQ11-BAF15	3/6		
47	050611230327	Hán Thị	Hằng	29/01/2005	HQ11-BAF04	3/6		
48	050112240057	Nguyễn Thúy	Hằng	12/12/2006	HQ12-BAF14	3/6		
49	050611230346	Trần Kiến	Hào	12/12/2005	HQ11-BAF20	3/6		
50	050611230348	Võ Lê	Hào	09/06/2005	HQ11-BAF10		5.5	
51	050611230347	Nguyễn Hoàn	Hào	18/03/2004	HQ11-ACC04	3/6		
52	050611230354	Bùi Thị Thanh	Hiền	01/11/2005	HQ11-BAF18	4/6		
53	050611230355	Diệp Mỹ	Hiền	21/10/2005	HQ11-BAF09	3/6		
54	050611230363	Chu Minh	Hiếu	28/03/2005	HQ11-BAF01	3/6		
55	050611230371	Trần Thanh Ánh	Hoa	18/08/2005	HQ11-BAF11	3/6		
56	050611230372	Lê Ngọc	Hòa	07/08/2001	HQ11-BAF02	4/6		
57	050112240550	Phạm Thị Thu	Hoài	14/07/2006	HQ12-BAF15	3/6		
58	050611230374	Huỳnh Huy	Hoàng	24/07/2005	HQ11-ACC05	3/6		
59	050611230379	Quách Nguyễn Trung	Hoàng	01/02/2005	HQ11-BAF06	3/6		
60	050611230381	Lê Ánh	Hồng	28/05/2005	HQ11-BAF03	3/6		
61	050611230391	Lê Văn Vĩnh	Hung	10/12/2005	HQ11-MAG03	3/6		
62	050611230395	Tô Huy	Hung	05/10/2005	HQ11-BAF13	3/6		
63	050611230389	Đỗ Trần Hoàng	Hung	30/07/2005	HQ11-ACC03		5.0	

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH		
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT
64	050611230390	Hoàng Quốc	Hưng	24/11/2005	HQ11-BAF09	3/6		
65	050611230404	Hồ Quỳnh	Hương	04/11/2005	HQ11-BAF06	3/6		
66	050611230419	Võ Thị Diễm	Hương	18/07/2005	HQ11-BAF01	3/6		
67	050611230408	Nguyễn Hà Thiên	Hương	08/12/2005	HQ11-BAF20	3/6		
68	050611230403	Hà Thị Thanh	Hương	02/01/2005	HQ11-BAF11	3/6		
69	050611230413	Nguyễn Thị Thanh	Hương	04/09/2005	HQ11-BAF03	3/6		
70	050611230437	Quách Gia	Huy	12/01/2005	HQ11-MAG06	3/6		
71	050611230422	Dương Hồng	Huy	02/11/2005	HQ11-BAF19	3/6		
72	050611230424	Lâm Võ Quang	Huy	01/06/2005	HQ11-BAF06	3/6		
73	050611230423	Lai Gia	Huy	18/04/2005	HQ11-BAF11	3/6		
74	050611230425	Lê Minh	Huy	01/01/2005	HQ11-BAF09	3/6		
75	050512240167	Liu Nhật	Huyền	26/07/2006	HQ12-ACC06	3/6		
76	050312240279	Tăng Tường	Khang	29/10/2006	HQ12-MAG08	3/6		
77	050611230480	Trần Nguyễn Vạn	Khang	10/02/2005	HQ11-BAF13	3/6		
78	050611230478	Phạm Thành	Khang	23/02/2005	HQ11-BAF05	3/6		
79	050611230495	Tăng Minh	Khánh	17/07/2023	HQ11-ACC02	3/6		
80	050610220990	Phan Thị Vân	Khánh	01/10/2004	HQ10-GE23	3/6		
81	050611230497	Trần Ngọc	Khánh	02/02/2005	HQ11-BAF03	3/6		
82	050312240280	Bùi Ngân	Khánh	18/08/2006	HQ12-MAG02	3/6		
83	050611230499	Nguyễn Thiện	Khiêm	02/03/2005	HQ11-BAF11	3/6		
84	050611230514	Nguyễn Thị Minh	Khuê	25/11/2005	HQ11-BAF01		5.5	
85	050610221011	Lê Thị	Kiều	16/11/2004	HQ10-GE27	3/6		
86	050611230525	Đỗ Thị Thiên	Lam	25/04/2005	HQ11-MAG02	3/6		
87	050611230531	Gập Tú	Lâm	22/01/2005	HQ11-MAG07	4/6		
88	050611230538	Vương Thị	Lan	26/11/2005	HQ11-MAG02	3/6		
89	050611230542	Nguyễn Nhật	Lệ	24/03/2005	HQ11-BAF06	3/6		
90	050611230595	Võ Thị Thùy	Linh	18/05/2005	HQ11-BAF03	3/6		
91	050611230584	Phạm Nguyễn Thuý	Linh	20/11/2005	HQ11-MAG06	4/6		
92	050611230587	Tổng Khánh	Linh	13/05/2005	HQ11-BAF15	3/6		
93	050611230560	Lâm Nhật	Linh	20/12/2005	HQ11-BAF06	3/6		
94	050611230578	Nguyễn Thị Trúc	Linh	28/08/2004	HQ11-BAF07	3/6		
95	050611230565	Ngô Dương Yến	Linh	10/06/2005	HQ11-BAF17	3/6		
96	050611230569	Nguyễn Gia	Linh	04/06/2005	HQ11-BAF11	3/6		
97	050611230561	Lê Nguyễn Ngọc	Linh	19/12/2005	HQ11-BAF06	3/6		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH		
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT
98	050611230554	Hà Thị Yến	Linh	28/03/2005	HQ11-BAF09	3/6		
99	050312240290	Lê Thái Ngọc	Linh	30/03/2006	HQ12-MAG08	3/6		
100	050611230551	Đỗ Xuân	Linh	25/07/2005	HQ11-BAF19	3/6		
101	050611230599	Huỳnh Thị Hồng	Loan	17/03/2005	HQ11-BAF11	3/6		
102	050611230602	Nguyễn Huỳnh	Lộc	05/02/2005	HQ11-BAF11	3/6		
103	050611230608	Nguyễn Hoàng Phi	Long	27/11/2005	HQ11-ACC05	3/6		
104	050611230616	Hoàng Trần Khánh	Ly	16/08/2005	HQ11-BAF07	3/6		
105	050611230621	Võ Phan Cẩm	Ly	21/12/2005	HQ11-BAF02	3/6		
106	050611230632	Trịnh Xuân	Mai	14/11/2005	HQ11-BAF18	3/6		
107	050112240687	Nguyễn Thị Xuân	Mai	05/01/2006	HQ12-BAF10	3/6		
108	050611230625	Huỳnh Ngọc Tuyết	Mai	07/05/2005	HQ11-ACC05	3/6		
109	050611230638	Nguyễn Lê Đức	Mạnh	28/11/2005	HQ11-BAF19	3/6		
110	050611230656	Nguyễn Quang	Minh	18/01/2005	HQ11-BAF05	3/6		
111	050611230644	Bùi Trần Quang	Minh	12/09/2005	HQ11-BAF12	3/6		
112	050112240122	Đỗ Bảo	Minh	23/10/2006	HQ12-BAF19	3/6		
113	050611230683	Trần Nguyễn Phước	My	15/03/2005	HQ11-BAF10	3/6		
114	050611230682	Trần Ngọc Thảo	My	29/05/2005	HQ11-BAF20	3/6		
115	050611230672	Lương Đặng Trà	My	29/11/2003	HQ11-MAG01	3/6		
116	050112240714	Trần Thị Việt	Mỹ	05/01/2006	HQ12-BAF10	3/6		
117	050611230694	Lê Thị Ly	Na	22/02/2005	HQ11-BAF18	3/6		
118	050611230703	Phạm Hoàng	Nam	29/07/2005	HQ11-BAF14	3/6		
119	050611230702	Nguyễn Văn Hoài	Nam	23/01/2005	HQ11-MAG03	3/6		
120	050611230704	Trần Thanh	Nam	01/03/2004	HQ11-MAG04	3/6		
121	050611230697	Đỗ Hoàng	Nam	14/09/2005	HQ11-BAF11	3/6		
122	050512240187	Phạm Quỳnh	Nga	10/02/2006	HQ12-ACC04	3/6		
123	050512240190	Nguyễn Ngọc Bích	Ngân	30/10/2006	HQ12-ACC06	3/6		
124	050611230732	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Ngân	05/10/2005	HQ11-MAG07	3/6		
125	050611230743	Nguyễn Vinh Hoàng	Ngân	22/04/2005	HQ11-MAG03	3/6		
126	050611230735	Nguyễn Thị Hiếu	Ngân	15/10/2005	HQ11-ACC03	3/6		
127	050611230719	Lê Huỳnh Thanh	Ngân	28/03/2005	HQ11-MAG07	3/6		
128	050611230718	Lâm Mỹ	Ngân	03/10/2005	HQ11-MAG03	3/6		
129	050611230751	Phan Ngọc Kim	Ngân	01/05/2005	HQ11-BAF19	3/6		
130	050611230754	Trần Thanh	Ngân	08/09/2005	HQ11-BAF19	3/6		
131	050611230724	Lê Thúy	Ngân	18/07/2005	HQ11-BAF19	3/6		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH		
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT
132	050611230711	Đinh Thị Kim	Ngân	03/10/2005	HQ11-BAF21	3/6		
133	050112240730	Nguyễn Ngọc Bích	Ngân	11/02/2006	HQ12-BAF13	3/6		
134	050611230768	Nguyễn	Nghĩa	01/01/2005	HQ11-BAF10	3/6		
135	050611230769	Trần Trọng	Nghĩa	21/01/2005	HQ11-MAG01	3/6		
136	050611230818	Vương Kim	Ngọc	14/09/2005	HQ11-ACC03	3/6		
137	050611230807	Phạm Thị Bích	Ngọc	17/08/2005	HQ11-ACC03	3/6		
138	050611230801	Nguyễn Thị	Ngọc	09/04/2005	HQ11-BAF10	3/6		
139	050611230806	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	20/08/2005	HQ11-BAF19	3/6		
140	050611230811	Trần Bảo	Ngọc	07/10/2005	HQ11-BAF18	3/6		
141	050611230772	Bùi Thị Như	Ngọc	21/09/2005	HQ11-MAG02	3/6		
142	050611230797	Nguyễn Mai Thanh	Ngọc	19/07/2005	HQ11-MAG05	3/6		
143	050611230774	Đặng Nguyễn Mỹ	Ngọc	23/06/2005	HQ11-BAF07	3/6		
144	050611230837	Trần Trọng	Nguyên	20/11/2005	HQ11-BAF19	3/6		
145	050112240771	Đoàn Ngọc Tâm	Nguyên	21/10/2006	HQ12-BAF18	3/6		
146	050611230839	Nguyễn Như	Nguyệt	23/07/2005	HQ11-BAF08	3/6		
147	050611230841	Phan Ánh	Nguyệt	17/10/2005	HQ11-BAF08	3/6		
148	050112240177	Nguyễn Tiếp Nhân	Nhã	07/03/2006	HQ12-BAF11	3/6		
149	050611230845	Trần Thị Thanh	Nhàn	16/02/2005	HQ11-BAF14	3/6		
150	050611230852	Trần Thị Mỹ	Nhân	26/03/2005	HQ11-ACC04	3/6		
151	050611230850	Nguyễn Lữ Minh	Nhân	16/05/2005	HQ11-BAF04	3/6		
152	050611230882	Nguyễn Phan Tuyết	Nhi	27/11/2005	HQ11-BAF14	3/6		
153	050611230894	Phan Thị Yến	Nhi	30/06/2005	HQ11-MAG06	3/6		
154	050611230893	Phan Thị Ý	Nhi	25/04/2005	HQ11-MAG03	3/6		
155	050611230909	Vũ Thị Yến	Nhi	06/05/2005	HQ11-MAG07	3/6		
156	050611230867	Huỳnh Ngọc Yến	Nhi	28/05/2005	HQ11-BAF02	3/6		
157	050611230903	Trương Thị Phương	Nhi	17/06/2005	HQ11-BAF16	3/6		
158	050611230861	Cao Hoài Yến	Nhi	12/03/2005	HQ11-BAF19	3/6		
159	050611230874	Ngô Võ Ngân	Nhi	27/10/2005	HQ11-BAF12	3/6		
160	050611230865	Đặng Yến	Nhi	14/09/2005	HQ11-BAF02	3/6		
161	050611230859	Bùi Hoàng Yến	Nhi	17/06/2005	HQ11-BAF04	3/6		
162	050609211000	Uông Gia	Nhi	27/02/2003	HQ9-GE24	3/6		
163	050611230930	Nguyễn Huỳnh	Như	01/01/2005	HQ11-BAF18	3/6		
164	050112240198	Phạm Tổ	Như	20/11/2006	HQ12-BAF18	3/6		
165	050611230951	Võ Thị Yến	Như	05/12/2005	HQ11-BAF10	3/6		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH		
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT
166	050611230947	Trần Thị Hà	Như	17/06/2005	HQ11-BAF12	3/6		
167	050312240324	Huỳnh Ngọc Thảo	Như	27/12/2006	HQ12-MAG02	3/6		
168	050611230956	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	25/12/2005	HQ11-ACC05	3/6		
169	050611230955	Nguyễn Thị	Nhung	04/04/2005	HQ11-MAG03	3/6		
170	050611230953	Lê Hồng	Nhung	08/03/2005	HQ11-BAF13	3/6		
171	050112240192	Thái Thị Tuyết	Nhung	10/09/2006	HQ12-BAF13	3/6		
172	050611230959	Võ Thị Hồng	Nhung	08/01/2005	HQ11-MAG02	3/6		
173	050611230971	Lâm Thành	Phát	17/03/2005	HQ11-MAG02	3/6		
174	050611230972	Lê Huỳnh Tấn	Phát	04/07/2005	HQ11-BAF19	3/6		
175	050611230984	Nguyễn Tấn	Phong	24/12/2005	HQ11-MAG05	3/6		
176	050611230981	Đặng Trần	Phong	26/11/2005	HQ11-MAG04	3/6		
177	050611230988	Lê Tín	Phú	29/07/2005	HQ11-BAF21	3/6		
178	050610220460	Đào Tâm	Phúc	11/07/2004	HQ10-GE30	3/6		
179	050611230996	Lê Tấn	Phúc	24/06/2005	HQ11-BAF18	3/6		
180	050611230999	Nguyễn Thiên	Phúc	08/05/2005	HQ11-MAG01	3/6		
181	050607190390	Bùi Lê Thanh	Phúc	30/10/2001	HQ7-GE13			63
182	050611231024	Võ Thị Tuyết	Phương	23/08/2005	HQ11-BAF09	3/6		
183	050611231006	Dương Nữ Nam	Phương	14/08/2005	HQ11-BAF02	3/6		
184	050607190407	Trần Nguyễn Nhật	Phương	11/02/2001	HQ7-GE11	3/6		
185	050611231019	Phan Nguyễn Hoài	Phương	30/09/2005	HQ11-BAF13	3/6		
186	050611231028	Trần Thị Bích	Phượng	08/04/2005	HQ11-ACC03	3/6		
187	050611231038	Trần Phú	Quý	08/02/2005	HQ11-MAG07	3/6		
188	050610220486	Nguyễn Duy	Quý	30/10/2003	HQ10-GE28	3/6		
189	050611231040	Lê Thị	Quý	03/05/2005	HQ11-BAF10	3/6		
190	050112240878	Cao Mỹ	Quyên	06/11/2006	HQ12-BAF11	3/6		
191	050611231049	Nguyễn Thị Tố	Quyên	30/11/2005	HQ11-BAF20	3/6		
192	050611231053	Từ Mỹ	Quyên	21/05/2005	HQ11-BAF08	3/6		
193	050611231043	Lê Nguyễn Tố	Quyên	03/11/2005	HQ11-BAF06	3/6		
194	050611231052	Trịnh Nguyễn Gia	Quyên	23/07/2005	HQ11-MAG06	3/6		
195	050611231071	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	03/08/2005	HQ11-BAF16	3/6		
196	050611231077	Phan Xuân	Quỳnh	26/03/2005	HQ11-MAG07	3/6		
197	050611231079	Trần Phạm Như	Quỳnh	08/03/2005	HQ11-BAF20	3/6		
198	050112240900	Trần Thị Mỹ	Quỳnh	05/01/2006	HQ12-BAF10	3/6		
199	050610220495	Đồng Phương	Quỳnh	09/11/2004	HQ10-GE16	3/6		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH		
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT
200	050611231088	Huỳnh Minh	Sĩ	18/01/2005	HQ11-BAF10	3/6		
201	050611231089	Cao Thái	Son	22/04/2005	HQ11-BAF11	3/6		
202	050611231090	Nguyễn An	Son	07/07/2005	HQ11-BAF16		6.5	
203	050611231091	Nguyễn Ngọc	Sony	03/11/2005	HQ11-BAF10	3/6		
204	050112240917	Nguyễn Đình	Thạch	12/04/2006	HQ12-BAF14	3/6		
205	050611231109	Dương Quốc	Thái	09/11/2005	HQ11-BAF06	4/6		
206	050611231116	Trần Thị	Thắm	15/06/2005	HQ11-BAF08	3/6		
207	050610220557	Nguyễn Thị	Thân	29/04/2004	HQ10-GE01		5.0	
208	050611231134	Vũ Trí	Thanh	27/09/2005	HQ11-BAF18	4/6		
209	050312240346	Trần	Thành	16/09/2006	HQ12-MAG06	3/6		
210	050611231151	Nguyễn Đỗ Thanh	Thảo	23/10/2005	HQ11-MAG06	3/6		
211	050611231139	Đỗ Thanh	Thảo	26/08/2005	HQ11-BAF16	3/6		
212	050611231159	Phan Thị Thu	Thảo	21/03/2005	HQ11-BAF05	3/6		
213	050611231164	Trần Thị Phương	Thảo	16/10/2005	HQ11-BAF08	3/6		
214	050611231147	Lê Thanh	Thảo	07/09/2005	HQ11-BAF10	3/6		
215	050512240086	Nguyễn Đỗ Ngọc	Thảo	29/03/2006	HQ12-ACC02	3/6		
216	050611231181	Nguyễn Ngọc	Thịnh	12/10/2005	HQ11-MAG07	3/6		
217	050611231185	Võ Thị Xuân	Thoa	25/10/2005	HQ11-BAF07	4/6		
218	050611231229	Phạm Anh	Thư	28/11/2005	HQ11-MAG07	3/6		
219	050611231199	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	21/03/2005	HQ11-ACC05	3/6		
220	050611231213	Nguyễn Anh	Thư	05/09/2005	HQ11-BAF20	3/6		
221	050611231240	Triệu Thị Anh	Thư	02/01/2005	HQ11-BAF14	3/6		
222	050611231196	Hoàng Vũ Anh	Thư	19/12/2005	HQ11-MAG02	3/6		
223	050611231230	Phạm Khuê Cát	Thư	21/11/2005	HQ11-BAF10	3/6		
224	050611231238	Trần Thị Minh	Thư	16/07/2005	HQ11-BAF20		5.5	
225	050611231202	Lê Minh	Thư	23/12/2005	HQ11-BAF07	3/6		
226	050112240997	Trần Thị Kim	Thư	09/02/2005	HQ12-BAF12	3/6		
227	050611231233	Phùng Minh	Thư	12/08/2005	HQ11-ACC03	3/6		
228	050112241003	Dương Thị Hoài	Thương	13/02/2005	HQ12-BAF03	3/6		
229	050611231261	Nguyễn Hải Phương	Thùy	26/03/2005	HQ11-BAF04	3/6		
230	050611231264	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/02/2005	HQ11-BAF20	3/6		
231	050611231278	Phan Lê Anh	Thy	21/09/2005	HQ11-BAF10	3/6		
232	050611231273	Đỗ Nguyễn Anh	Thy	13/05/2005	HQ11-MAG04	3/6		
233	050611231274	Hà Trúc	Thy	27/08/2005	HQ11-BAF17	3/6		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH		
					VSTEP	IELTS	TOEFL IBT
234	050611231285	Nguyễn Phạm Hương Tiên	17/04/2005	HQ11-BAF12	3/6		
235	050608200624	Trần Minh Tiến	10/05/2002	HQ8-GE12	3/6		
236	050611231302	Lê Phước Tính	23/07/2005	HQ11-BAF04	3/6		
237	050611231324	Trần Quỳnh Trâm	05/12/2005	HQ11-BAF17	3/6		
238	050212240071	Nguyễn Phạm Quỳnh Trâm	07/02/2006	HQ12-MIS02	3/6		
239	050611231307	Huỳnh Thanh Trâm	17/10/2005	HQ11-BAF14	3/6		
240	050611231336	Hồ Bảo Trân	21/02/2005	HQ11-ACC05	3/6		
241	050611231354	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	23/02/2005	HQ11-BAF08	3/6		
242	050611231359	Nguyễn Thị Huyền Trân	28/05/2005	HQ11-BAF18	3/6		
243	050611231348	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	27/03/2005	HQ11-BAF09	3/6		
244	050611231360	Nguyễn Thị Quế Trân	16/03/2005	HQ11-BAF19	3/6		
245	050611231410	Vũ Thị Thùy Trang	19/10/2005	HQ11-BAF13	3/6		
246	050611231376	Đàm Ngọc Trang	24/08/2005	HQ11-ACC02	3/6		
247	050611231395	Nguyễn Thị Hoa Trang	10/06/2005	HQ11-BAF10	3/6		
248	050611231405	Trần Phương Trang	05/05/2005	HQ11-ACC03	3/6		
249	050611231404	Phạm Thị Hạnh Trang	23/03/2005	HQ11-BAF17	3/6		
250	050611231380	Đỗ Thị Đoan Trang	31/03/2005	HQ11-BAF12	3/6		
251	050611231409	Vũ Thị Thùy Trang	09/03/2005	HQ11-MAG07	3/6		
252	050611231416	Lê Nguyễn Hải Triều	03/07/2005	HQ11-BAF08	3/6		
253	050611231426	Nguyễn Ánh Kiều Diễm Trinh	29/07/2005	HQ11-BAF21	3/6		
254	050611231418	Bùi Đoàn Trung Trinh	05/06/2005	HQ11-BAF14	3/6		
255	050611231419	Đàm Ngọc Bảo Trinh	25/03/2005	HQ11-BAF16	3/6		
256	050611231449	Nguyễn Thanh Trúc	21/09/2005	HQ11-BAF14	3/6		
257	050611231452	Phạm Ngọc Thanh Trúc	24/10/2005	HQ11-BAF08	3/6		
258	050611231448	Nguyễn Thanh Trúc	23/10/2005	HQ11-BAF16	3/6		
259	050611231450	Nguyễn Thị Thanh Trúc	30/09/2005	HQ11-ACC03	4/6		
260	050611231441	Huỳnh Thị Thanh Trúc	04/10/2005	HQ11-MAG06	4/6		
261	050611231482	Trần Thị Mỹ Túu	29/03/2005	HQ11-MAG03	3/6		
262	050611231485	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	08/09/2005	HQ11-BAF06	3/6		
263	050611231487	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	28/06/2005	HQ11-BAF10	3/6		
264	050611231492	Võ Phạm Ánh Tuyết	22/11/2005	HQ11-BAF21	3/6		
265	050611231500	Huỳnh Phương Uyên	27/10/2005	HQ11-MAG06	3/6		
266	050611231504	Lê Phan Nhã Uyên	26/09/2005	HQ11-BAF18	3/6		
267	050611231517	Trần Thị Chí Uyên	24/10/2005	HQ11-BAF17	3/6		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH		
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT
268	050611231497	Đỗ Quỳnh Trúc	Uyên	01/10/2004	HQ11-BAF10	3/6		
269	050611231515	Phạm Dương Ái	Uyên	21/02/2005	HQ11-BAF05	3/6		
270	050112241110	Hoàng Thị Phương	Uyên	21/04/2006	HQ12-BAF05	3/6		
271	050611231516	Phạm Nhã	Uyên	31/12/2005	HQ11-MAG05	3/6		
272	050611231528	Nguyễn Ngọc Hải	Vân	14/12/2005	HQ11-BAF12	3/6		
273	050611231523	Mai Nguyễn Thanh	Vân	23/08/2005	HQ11-BAF04	3/6		
274	050611231529	Nguyễn Thùy	Vân	10/09/2005	HQ11-BAF19	3/6		
275	050611231534	Trần Tường	Vân	11/10/2005	HQ11-MAG04	3/6		
276	050611231538	Châu Bảo	Vi	18/02/2005	HQ11-BAF07	3/6		
277	050611231542	Nguyễn Triệu	Vi	16/12/2005	HQ11-BAF18	3/6		
278	050112241122	Hồ Lan	Vi	12/09/2006	HQ12-BAF03	3/6		
279	050610220724	Trương Quang	Vĩ	26/04/2004	HQ10-GE30	3/6		
280	050611231587	Nguyễn Thảo	Vy	01/12/2005	HQ11-MAG04	3/6		
281	050611231609	Trần Thị Hà	Vy	28/03/2005	HQ11-ACC02	3/6		
282	050611231615	Võ Hoàng Thảo	Vy	09/11/2005	HQ11-BAF04	3/6		
283	050611231584	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	18/10/2005	HQ11-BAF09	3/6		
284	050611231588	Nguyễn Thảo	Vy	14/12/2005	HQ11-BAF19	3/6		
285	050611231576	Nguyễn Bảo	Vy	06/12/2005	HQ11-BAF04	3/6		
286	050611231572	Lê Nguyễn Thuý	Vy	19/05/2005	HQ11-BAF15	3/6		
287	050611231585	Nguyễn Phan Anh	Vy	06/06/2005	HQ11-BAF08	3/6		
288	050611231599	Nguyễn Tường	Vy	10/01/2005	HQ11-BAF09	3/6		
289	050611231594	Nguyễn Trần Thúy	Vy	21/06/2005	HQ11-BAF21	3/6		
290	050611231563	Đặng Tường	Vy	18/09/2005	HQ11-MAG06	3/6		
291	050611231566	Hà Đỗ Thuý	Vy	31/07/2005	HQ11-BAF04	3/6		
292	050611231570	Lâm Thị Khánh	Vy	29/11/2005	HQ11-ACC05	4/6		
293	050112240305	Đào Triệu Lam	Vy	26/03/2006	HQ12-BAF22	3/6		
294	050611231583	Nguyễn Khánh	Vy	28/10/2005	HQ11-MAG04	3/6		
295	050611231613	Trương Thoại Yến	Vy	04/08/2005	HQ11-BAF13	3/6		
296	050112241163	Vũ Thị Hồng	Xuân	16/05/2006	HQ12-BAF16	3/6		
297	050611231622	Huỳnh Thị Ngọc	Xương	01/10/2004	HQ11-MAG03	3/6		
298	050611231624	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	14/04/2005	HQ11-BAF17	3/6		
299	050611231623	Lâm Thị Mỹ	Xuyên	12/01/2005	HQ11-MAG07	3/6		

Tổng số: 299 sinh viên